

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨ THƯ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-12-2020

V/v tranh chấp về ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

2. Ông Phạm Đức Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 11 năm 2020, ngày 15 tháng 12 năm 2020 và ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trần Văn N:

1. Ông Trần Xuân S, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái Bình.

(Chị L, anh N, ông S, bà H đều có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề tháng 5/2020 (không đề ngày) và đơn khởi kiện xin ly hôn bổ sung ngày 18/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 19 tháng 06 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn H, xã H. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống khác nhau dẫn đến xung đột. Anh N là người lười biếng, không chịu làm ăn, không có chí tiến thủ trong cuộc sống, vô trách nhiệm với vợ con và gia đình. Sau nhiều mâu thuẫn, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã H, huyện V ở từ tháng 6 năm 2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị cho Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Trần Thu P, sinh ngày 22/10/2014 ở cùng anh N từ năm 2016 đến nay và con Trần Hoài A, sinh ngày 15/02/2017 hiện đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị trực tiếp nuôi con Trần Hoài A, anh N trực tiếp nuôi con Trần Thu P, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay, thu nhập của chị là 4,5 đến 5 triệu/tháng. Chị có sự giúp đỡ, hỗ trợ của bố mẹ trong việc trông nom, chăm sóc con chung, chị có nhà của bố mẹ đẻ để ở ổn định từ năm 2016 đến nay. Nếu ly hôn, bố mẹ chị sẽ tiếp tục tạo điều kiện cho chị được ở nhà đó. Việc anh N có quan điểm muốn nuôi cả hai con chị không đồng ý vì bản thân anh N bị bệnh tâm thần. Nếu giao cả 2 con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, các con chị sẽ không có điều kiện được chăm sóc, giáo dục tốt. Chị đã được Tòa án giải thích, hướng dẫn nhưng chị không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh N bị mất năng lực hành vi dân sự. Hiện tại chị không có thai và không sinh con nào khác.

Về phân tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung vợ chồng anh chị không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại Văn bản trình bày ý kiến, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn, anh Trần Văn N trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị L trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, chị L

có chửi láo dối với anh nên anh có đánh chị L. Bản thân anh mãi chơi không tập trung, tu chí làm ăn nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Phú Mỹ, xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư ở từ năm 2017 đến nay. Anh và gia đình có đến nhà chị L tìm nhưng chị L không về chung sống cùng anh. Năm 2016, anh bị mắc bệnh tâm thần, đã phải điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Thái Bình. Hiện anh đang được hưởng trợ cấp xã hội mỗi tháng là 405.000 đồng. Anh đã được Tòa án giải thích, hướng dẫn nhưng anh không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh bị mất năng lực hành vi dân sự vì anh vẫn đi làm bình thường. Nay, chị L có đơn xin ly hôn anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không muốn ly hôn. Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung như chị L trình bày. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và anh không yêu cầu chị L phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Tuy anh bị bệnh tâm thần, nhưng anh vẫn đi làm tại Công ty Giấy da Thái Bình, mỗi tháng thu nhập khoảng 4 triệu đồng. Anh có bố mẹ đẻ đều còn khỏe, phụ giúp anh về kinh tế và các điều kiện khác để chăm sóc các cháu. Thời gian cháu P ở với anh, anh vẫn đảm bảo cho con có điều kiện sinh hoạt đầy đủ. Chị L theo anh biết hiện nay chị L có sinh con với người khác nên sau khi ly hôn sẽ đi lấy chồng nên để chị L nuôi con sẽ không đảm bảo an toàn cho con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung vợ chồng anh chị không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại Biên bản lấy lời khai của ông Trần Xuân S đề ngày 11/8/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Xuân S trình bày: Sau khi kết hôn, anh N chị L ở cùng gia đình ông bà trong thời gian khoảng 2 năm. Nhưng trong 2 năm đó chị L thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở dẫn đến sút mẻ tình cảm. Đến năm 2017, vợ chồng cãi chửi nhau chị L không ở gia đình ông nữa mà bỏ hẳn về nhà bố mẹ đẻ ở. Gia đình ông và anh N đã nhiều lần tìm về nhưng chị L không về chung sống cùng anh N nữa. Nguyên nhân chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cả hai không có ý thức chăm sóc, vun vén hạnh phúc gia đình. Nay chị L xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ấy ly hôn.

Về con chung: Anh N và chị L có 02 con chung như anh chị đã trình bày. Từ khi chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ, cháu P ở với anh N và gia đình ông, cháu H ở với mẹ và ông bà ngoại. Nếu vợ chồng N, L ly hôn, đề nghị Tòa án giao cả 2 con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho cả hai cháu. Hiện nay, ông và vợ ông đều còn khỏe, có điều kiện về sức khỏe, thời gian cũng như điều kiện kinh tế để hỗ trợ, giúp đỡ N trong việc trông nom, chăm sóc các cháu. Bản thân anh N tuy bị bệnh tâm thần, từ năm 2016 có điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Thái Bình, sau đó được cấp sổ và lĩnh thuốc tại Trạm y tế xã nhưng hiện tại sức khỏe của anh N bình thường, vẫn đi làm công nhân và có thu nhập. Ông đã được Tòa án giải thích,

hướng dẫn nhưng ông không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh N bị mất năng lực hành vi dân sự vì hiện tại anh N vẫn khỏe mạnh, bình thường. Ông đồng ý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N. Chị L hiện tại vừa sinh con với người khác nếu ly hôn chị L sẽ kết hôn với người khác thì cháu gái ông sẽ phải ở với chú dượng sẽ không an toàn cho cháu nên ông không đồng ý cho chị L trực tiếp nuôi con chung của chị L, anh N mà đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh N nuôi dưỡng, gia đình ông sẽ có trách nhiệm trông nom chăm sóc cả hai cháu.

\* Tại Công văn số 40/BVTT-KHTH ngày 24 tháng 8 năm 2020 “Về việc phúc đáp CV số 1334/2020/TA về việc cung cấp thông tin về người bệnh tâm thần” của Bệnh viện Tâm thần Thái Bình thể hiện: Anh Trần Văn N có bị mắc bệnh tâm thần, mắc bệnh từ năm 2016 đến nay. Chẩn đoán: Tâm thần phân liệt. Quá trình điều trị: Về điều trị nội trú: Đợt 1: Từ 01/3/2016 đến ngày 24/3/2016; Đợt 2: Từ ngày 19/11/2016 đến ngày 20/12/2016; Đợt 3: Từ ngày 22/11/2018 đến ngày 13/12/2018; Đợt 4: Từ ngày 14/7/2019 đến ngày 17/7/2019; Đợt 5: Từ ngày 18/7/2019 đến ngày 15/8/2019; Đợt 6: Từ ngày 26/8/2019 đến ngày 23/9/2019. Về điều trị ngoại trú: Ngày 19/11/2018 đến khám tại khoa Khám bệnh và được cấp thuốc về điều trị ngoại trú 01 đợt tại gia đình. Ngày 23/9/2019 sau khi ra viện đợt 6, được bệnh viện cấp thủ tục điều trị ngoại trú, cấp sổ theo dõi và lĩnh thuốc hàng tháng điều trị ngoại trú tại trạm y tế xã Hồng Lý cho đến nay. Hiện nay, anh N chưa khỏi bệnh tâm thần. Từ sau ngày 23/9/2019 bệnh nhân xuất viện về nhà đến nay, gia đình vẫn lĩnh thuốc điều trị ngoại trú đều đặn hàng ngày cho bệnh nhân uống nhưng bệnh nhân chưa lần nào quay lại bệnh viện khám bệnh nên bệnh việc không xác định được tình trạng hiện tại của bệnh nhân có ổn định hay không ổn định.”

\* Tại Biên bản lấy lời khai của ông Trần Văn T, sinh năm 1960, địa chỉ thôn Phú Mỹ, xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư. Tỉnh Thái Bình (là bố đẻ chị L) ngày 04/12/2020 thể hiện: Chị L, anh N chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N ham chơi game, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến xô xát, cãi vã, kinh tế gia đình khó khăn. Năm 2016 chị L về sống với gia đình ông, khi đó chị L đã có thai cháu H được 4 tháng. Gia đình ông đã khuyên bảo chị L để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L không về chung sống với anh N. Từ tháng 6/2016 đến nay chị L ở nhà ông, sinh cháu Hoài Anh ở nhà ông, vợ chồng ông trực tiếp chăm sóc cho 2 mẹ con. Nếu chị L, anh N ly hôn đề nghị Tòa án giao cho chị L nuôi con H, giao anh N nuôi con P, gia đình ông sẽ hỗ trợ chị L trong việc nuôi cháu. Từ khi chị L sinh cháu H đến nay chị L không sinh con. Chị L vẫn thường xuyên về nhà chăm sóc, dạy bảo con cái.

\* Tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị G là chị dâu của chị L thể hiện: Chị ở cùng nhà với bố mẹ chồng chị là bố mẹ đẻ chị L, từ năm 2016 chị L và anh N có mâu thuẫn chị L về nhà bố mẹ chồng chị ở và có sinh con thứ hai là cháu Trần

Hoài A. Từ năm 2016 đến nay chị L sinh con, đi làm và ở cùng chị và bố mẹ chồng chị. Chị L chỉ có 02 con là cháu Trần Thu P và Trần Hoài A. Ngoài ra chị L không có thai, không sinh con nào khác.

\* Tại Biên bản xác minh đề ngày 11 tháng 8 năm 2020, Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình cung cấp: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như anh N, chị L đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N chơi bời, nghiện game, không chịu tu chí làm ăn. Đến năm 2017 anh chị mâu thuẫn căng thẳng, chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Phú Mỹ, xã Hồng Lý sống, anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị L, anh N có 02 con chung, con Trần Thu P đang ở với anh N, con Trần Hoài A đang ở với chị L. Tuy anh N bị bệnh tâm thần, được hưởng trợ cấp xã hội 405.000 đồng /tháng nhưng vẫn đi làm, lao động bình thường và có thu nhập. Bên cạnh đó, anh N được bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc trông nom, chăm sóc con. Từ trước đến nay anh N không có biểu hiện đập phá bất thường nào.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên: Anh N vẫn còn xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị L đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh N. Về con chung đề nghị Tòa án giao cho anh N trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị L góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không đặt ra giải quyết.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Trần Xuân S đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị L và anh N ly hôn. Về con chung đề nghị Tòa án giao cho anh N trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị L góp cấp dưỡng nuôi con.

\* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị L được ly hôn anh N. Về quan hệ con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Hoài Anh, giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Thu Phương. Không đặt ra việc giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không xem xét giải quyết. Án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị L xác định tình cảm giữa chị và anh N không còn nên kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Xét thấy anh chị L và anh N sống ly thân đã lâu, gần 4 năm, anh N và gia đình đã nhiều lần tìm chị L về nhưng chị L vẫn kiên quyết không về, do vậy, hôn nhân giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh N.

[2.2] Về nuôi con chung:

Tại phiên Tòa ông S và anh N cho rằng chị L mới sinh con với người khác nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con Hoài Anh nhưng ông S, anh N không cung cấp được chứng cứ. Tòa án đã tiến hành xác minh với bố đẻ chị L, chị dâu chị L đều không có việc chị L có thai hay sinh con với người khác. Xác minh với Ủy ban nhân dân xã Hồng Lý thể hiện: chị L có đi làm ăn xa nhưng thường xuyên về nhà, chị L có nơi cư trú tại thôn Phú Mỹ, xã Hồng Lý. Không có thông tin gì về việc chị L có ngoại tình hay có thai, sinh con. Chị L, anh N có 02 con chung là Trần Thu P và Trần Hoài A không có đăng ký khai sinh con nào khác.

Chị L, anh N có 02 con chung là Trần Thu P, sinh ngày 22/10/2014 hiện đang ở cùng anh Trần Văn N và con Trần Hoài A, sinh ngày 15/02/2017 hiện đang ở cùng với chị L. Xét thấy, việc giao cả hai con cho 1 người nuôi khó đảm bảo điều kiện chăm sóc, dạy dỗ con. Chị L và anh N đều có thu nhập ổn định, có sự hỗ trợ của bố mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, mỗi con đều đang ở ổn định với anh N và chị L và đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập. Do vậy cần giữ

nguyên việc các cháu đang ở ổn định, giao cho mỗi người nuôi một con, con Trần Hoài A cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, con Trần Thu P cần giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N, chị L không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Chị L và anh N đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, vay nợ chung cá nhân, tổ chức nào, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

[1]. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Trần Văn N.

[2]. Về nuôi con chung: Giao cho anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Thu P, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2014; giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Hoài A, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2017. Anh N, chị L không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị L và anh Trần Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị L và anh Trần Văn N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003861 ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/12/2020.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái

Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 31 ngày 19/6/2011)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thị Hương**